

**TÒA PHÚC THẨM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2025/HC-PT

Ngày: 29 - 9 - 2025

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
đối với trường hợp thu hồi, bồi  
thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi  
đất và quyết định giải quyết khiếu nại  
về đất đai*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 334/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2025 việc “Khiếu kiện quyết định hành chính đối với trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2024/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 899/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:*

1.1. Bà Dương Thị Đ, sinh năm: 1955 (vắng mặt).

1.2. Ông Trần Văn S, sinh năm: 1978 (có mặt).

1.3. Bà Trần Thị Kim H1, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

1.4. Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1983 (có mặt).

1.5. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F đường N, khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Tất T, sinh năm 1996 (Giấy ủy quyền ngày 05/6/2024) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Đình B - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Cùng địa chỉ: A H đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

*2. Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Phan R - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ: Ông Phan Văn S1 (có mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K: Bà Đinh Thị Hồng H2, chuyên viên chính C thuộc Sở N1 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2023, khởi kiện bổ sung ngày 29/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Ông Phạm Đình B trình bày:*

Bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố P - T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K).

2. Hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

3. Hủy Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Trần Văn S.

4. Hủy Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Trần Thị Kim H1.

5. Hủy Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T về việc thu hồi đất bổ sung của hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K).

6. Hủy Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

7. Hủy Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 1603/QĐ-UBND và Quyết định số 1615/QĐ-UBND cùng ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T.

8. Hủy Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 2262/QĐ-UBND và Quyết định số 2268/QĐ-UBND cùng ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T.

9. Hủy Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung các Quyết định số 1618/QĐ-UBND, số

1619/QĐ-UBND và số 1620/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T.

10. Hủy Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) lần đầu.

11. Hủy Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) lần 2.

12. Buộc UBND thành phố P - T bồi thường thỏa đáng cho hộ các ông (bà) Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1 và buộc giao cho mỗi hộ gia đình 01 (một) lô đất theo diện chuyển đổi nghề.

13. Buộc UBND thành phố P - T giao 01 (một) lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L khi Nhà nước thu hồi đất.

Lý do và căn cứ khởi kiện:

Hộ gia đình ông Trần Văn V có 06 thành viên: Gồm vợ chồng ông Trần Văn V (chết năm 2020) và bà Dương Thị Đ, cùng 04 người con là ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1 và bà Trần Thị Mỹ L sử dụng 4.800 m<sup>2</sup> đất tại phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 20/11/1997, UBND thị xã P - T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4800112. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất có hai ngôi nhà cấp 4, một ngôi nhà do vợ chồng ông V và bà Đ sinh sống ổn định từ trước tới nay. Khi ông V chết, bà Đ sinh sống trong ngôi nhà đó và một căn nhà là nơi sinh sống, nơi ở của vợ chồng bà Trần Thị Mỹ L và ông Nguyễn Quốc T1 cùng các con là Nguyễn Trần Phương U (sinh năm 2008), Nguyễn Trần Phương Q và Nguyễn Trần Mỹ D. Quá trình xây dựng các công trình là công khai, ngay tình, không bị Cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt về hành vi xây dựng không phép, sử dụng đất trái mục đích sử dụng.

Năm 2020, gia đình bà Đ nhận được thông báo về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị B - N (khu K). Sau đó UBND thành phố P - T ban hành các Quyết định thu hồi đất để phục vụ công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Thứ nhất: Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với nhân khẩu nông nghiệp (có di chuyển chỗ ở) UBND thành phố P - T chỉ hỗ trợ cho 03 thành viên. Trong khi gia đình ông V có tổng cộng 06 nhân khẩu được giao đất. Trên

thực tế nhân khẩu đang sinh sống trực tiếp trên thửa đất có cả hộ gia đình con gái của ông V là hộ gia đình bà Trần Thị Mỹ L đang trực tiếp sinh sống và sản xuất trên thửa đất. Nhưng trong Quyết định số 1615 ngày 23/12/2020 chỉ ghi hỗ trợ 03 nhân khẩu trong khi hộ gia đình ông Trần Văn V đến hiện tại có tổng cộng 05 nhân khẩu được giao đất.

Thứ hai: Thời gian hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với nhân khẩu nông nghiệp (có di chuyển chỗ ở) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Quyết định 64/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh N về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

“b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng và diện tích thu hồi từ 700 m<sup>2</sup> trở lên thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng. Nếu không phải di chuyển chỗ ở mà UBND thành phố P - T lại chỉ hỗ trợ trong vòng 12 tháng ? Điều này là trái quy định, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông V.

Thứ ba: UBND thành phố không hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm khác).

Căn cứ theo khoản 2 Điều 31 Quyết định 64 của UBND tỉnh N quy định “Mức hỗ trợ theo hình thức bằng tiền mức 2 (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương. Như vậy, hộ gia đình ông V với 2.540,4 m<sup>2</sup> hỗ trợ bằng tiền mức 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại với giá 120.000 đồng/m<sup>2</sup> thì sẽ được 609.696.000 đồng đối với tiền hỗ trợ đào tạo nghề nhưng UBND thành phố đã cố tình bỏ quên khoản hỗ trợ này.

Thứ tư: UBND thành phố không đề cập đến vấn đề hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp .... cho hộ gia đình ông Trần Văn V. Phía UBND thành phố đã không hỗ trợ đầy đủ cho hộ gia đình ông V. Nếu thực hiện theo đúng quy định, thì hộ gia đình ông V phải được hưởng thêm 01 khoản hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi.

Tóm lại: Trong quá trình thu hồi đất, ban hành các quyết định thu hồi đất, giải quyết khiếu nại, UBND thành phố P - T, Chủ tịch UBND thành phố P - T đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục theo luật định, vi phạm không đúng quy định pháp luật, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông V.

Thửa đất và các căn nhà trên đất là tài sản duy nhất, giá trị nhất của hộ gia đình ông V và bà L đã tích góp được. Trước nguy cơ bị mất trắng các tài sản và nơi ăn chốn nghỉ, các thành viên trong gia đình ông V không có nơi nương tựa,

chỗ ăn ở, sinh hoạt, cuộc sống của gia đình bị đảo lộn.... Việc cơ quan chức năng tổ chức cưỡng chế đối với gia đình ông V có quá cứng nhắc ? đưa người dân “thấp cổ, bé họng” vào bước đường cùng hay không ?

Để bảo đảm quyền và lợi ích của hộ gia đình ông V trong vụ việc này, do đó bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết theo thẩm quyền. Đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*Người bị kiện là Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T, do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp - Ông Mai T2, trình bày:*

1. Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng:

Ngày 20/11/1997, UBND thị xã P - T (Nay là thành phố P - T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn V, trong đó có diện tích 2.648 m<sup>2</sup> đất màu (ĐM) thuộc thửa số 402, tờ bản đồ số 06 (V).

Trong quá trình làm việc với cơ quan có thẩm quyền (khi thực hiện các thủ tục thu hồi, bồi thường tại dự án Khu K2 và khi khiếu nại), bà Dương Thị Đ (vợ ông V) và các con là ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L cung cấp các Giấy “Cho quyền sử dụng đất” do ông Trần Văn V lập ngày 08/4/2004 cho ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L mỗi người 300 m<sup>2</sup>. Việc tặng cho không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; không có ranh giới, bờ thửa, cột mốc rõ ràng...

Theo Hội đồng tư vấn đất đai phường M xác nhận ngày 24/01/2019 về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như sau:

Thửa đất số 85, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 2.103,9 m<sup>2</sup> đất bằng hàng năm khác tương ứng với một phần thửa đất số 402, tờ bản đồ địa chính số 6 (diện tích 2.648 m<sup>2</sup> đất màu) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn V được UBND thị xã P - T cấp ngày 20/11/1997.

Khi thu hồi thửa đất này, UBND thành phố đã hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng đất được phê duyệt 02 lô đất ở tại Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 là đúng quy định.

Hiện trạng thửa đất đang sử dụng vào mục đích trồng cây nha đam, dừa, măng cầu, hàng rào trụ gỗ, lưới B40... Thửa đất thu hồi hết diện tích, hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm và không di chuyển chỗ ở. Thửa đất số 85, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 2.103,9 m<sup>2</sup> do ông Trần Văn V sử dụng trực tiếp canh tác sản xuất, các phần đất ông V tặng cho các con là ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L không có ranh giới, bờ thửa, cột mốc rõ ràng...

Ngày 18/02/2003, ông V chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M một phần thửa 85, diện tích 300 m<sup>2</sup>... chuyển nhượng giấy tay chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 28/5/2007, ông M tặng cho con gái là bà Nguyễn Thị Yến L1 toàn bộ thửa đất (giấy tờ tặng cho viết tay chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) không đủ điều kiện quy chủ.

Ngày 27/11/2011, ông V lập giấy tay chuyển nhượng cho ông Hồ Minh H3 một phần thửa 85, diện tích 100 m<sup>2</sup> (có 32,7 m<sup>2</sup> là đất BCS). Trong đó có nhà cấp 4C diện tích 38,7 m<sup>2</sup>, khối xây gạch, sân bát tràng 7,8 m<sup>2</sup>, giếng khoan, hoa màu, cây ăn trái.... Giấy tờ chuyển nhượng chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp này, UBND thành phố đã phê duyệt danh sách 01 lô đất ở diện nhu cầu tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 là đúng quy định.

Ngày 15/01/2012, ông V lập giấy tay chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Kim P một phần thửa 85, diện tích 100 m<sup>2</sup>... Giấy tờ chuyển nhượng chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; không đủ điều kiện quy chủ.

Quá trình sử dụng đất của những người nêu trên không thực hiện đăng ký đất đai; không làm đầy đủ thủ tục khi tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (tại khoản 2 Điều 107 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 170 Luật đất đai năm 2013). Tại khoản 1 và khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai đã quy định: Đăng ký đất đai là bắt buộc đối với người sử dụng đất; việc đăng ký đất đai có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính; việc tặng cho quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính.

Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Luật Đất đai 2003, Khoản 1 Điều 119 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Đ2 a Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013 đều đã quy định Hợp đồng hoặc Văn bản cam kết tặng cho quyền sử dụng đất phải được công chứng hoặc chứng thực.

Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M và những quy định nêu trên thì các Giấy “Cho quyền sử dụng đất và chuyển nhượng” do ông Trần Văn V lập ngày 18/02/2003, 08/4/2004, 27/11/2011, 15/01/2012 cho ông Nguyễn

Văn M, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L, ông Hồ Minh H3, bà Đỗ Thị Kim P là không đúng quy định pháp luật.

Riêng đối với trường hợp ông Nguyễn Công N: Ngày 20/01/2003 ông V chuyển nhượng cho ông Nguyễn Công N một phần thửa 85, diện tích 436,5 m<sup>2</sup>, giấy tờ chuyển nhượng chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Hiện trạng thửa đất đang sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm, chăn nuôi gia súc, thửa đất có ranh giới, ranh rào lưới B40 trụ bê tông cốt thép, ông N trực tiếp quản lý và canh tác sản xuất.

Tại mục 1 và mục 2 Công văn số 3408/STNMT-ĐĐ ngày 15/8/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N về việc có ý kiến về các trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất bằng giấy tờ viết tay không có công chứng, chứng thực như sau: "... việc xác định ranh giới thửa đất để xác lập trích đo bản đồ địa chính phục vụ lập hồ sơ thu hồi, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án là theo hiện trạng ranh giới thửa đất của người đang sử dụng đất ngoài thực địa... Việc hộ gia đình, cá nhân tự ý tách 01 thửa đất ra thành nhiều thửa đất để chuyển nhượng, tặng cho bằng giấy tờ viết tay không có công chứng, chứng thực trước ngày 01/7/2014 mà không hình thành ranh giới thửa đất của người đang sử dụng đất ngoài thực địa thì không đo đạc, quy chủ sử dụng đất".

Đối chiếu với quy định trên, tại thời điểm thu hồi đất thì phần diện tích đất của hộ ông Nguyễn Công N đã có ranh giới, ranh rào lưới B40 trụ bê tông cốt thép và có chăn nuôi, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Q thu hồi, bồi thường đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 8, diện tích 436,5 m<sup>2</sup>, loại đất BHK cho hộ ông Nguyễn Công N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Khi thu hồi thửa đất này, UBND thành phố đã phê duyệt danh sách 01 lô đất ở diện chuyển đổi nghề tại Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 là đúng quy định.

2. Về các nội dung bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện:

2.1. Về yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất:

a. Căn cứ pháp lý thu hồi đất:

Dự án khu đô thị B - N (Khu K) là Dự án xây dựng khu đô thị mới được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết gồm:

- Nghị quyết số 37/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 về việc phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016 phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 phê duyệt danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 về bổ sung, điều chỉnh danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Đây là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai năm 2013.

**b. Về thu hồi đất:**

Thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K), ngày 12/10/2015 UBND thành phố ban hành Thông báo số 820/TB-UBND và Thông báo số 1144/TB-UBND, tại các Thông báo này xác định người sử dụng đất là ông Trần Văn V. Sau đó, do sai sót trong quá trình đo đạc, quy chủ sử dụng đất nên UBND thành phố ban hành Thông báo số 83/TB-UBND ngày 22/01/2020 và Thông báo số 1069/TB-UBND ngày 11/12/2020 điều chỉnh nội dung thông báo thu hồi đất.

Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, ông Trần Văn V đã thực hiện kê khai và phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, UBND phường M thực hiện việc kiểm kê đo đạc hiện trạng thửa đất thu hồi (thửa đất số 85, 85a tờ bản đồ số 08); tại Bản kê khai và Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trạng, ông Trần Văn V là người ký tên, xác nhận.

Ngày 09/8/2020, ông Trần Văn V chết (không để lại di chúc), UBND thành phố đã thực hiện thu hồi đất như sau:

*\* Đối với thửa đất nằm trong phần đất được UBND thị xã P - T cấp ngày 20/11/1997 (thuộc thửa đất số 85):*

UBND thành phố ban hành Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 thu hồi diện tích 2.540,4 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (thuộc thửa đất số 85, 139, tờ bản đồ địa chính số 8) do bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để thực hiện dự án Khu đô thị B-N.

Ngày 06/10/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2016/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố:

Từ thu hồi diện tích 2.540,4 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác do hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M (thuộc thửa đất số 85, 139 tờ bản đồ địa chính số 8) thành thu hồi diện tích 2.103,9 m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác do hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M (thuộc thửa đất số 85 tờ bản đồ địa chính số 8).

Do sai sót trong việc xác định người được đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V nên UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 điều chỉnh các Quyết định số thu hồi đất số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020, Quyết định số thu hồi đất số 2016/QĐ-UBND ngày 06/10/2021: Từ hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) thành bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết);

*\* Đối với thửa đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn V (thửa đất số 85a, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 609,2 m<sup>2</sup>), phần đất này theo UBND phường M xác nhận là do ông V bao chiếm diện tích đất giao thông để sản xuất nông nghiệp từ năm 1998:*

Ngày 18/11/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2262/QĐ-UBND thu hồi đất bổ sung diện tích 609,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (thuộc thửa đất số 85a tờ bản đồ địa chính) của bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V) đang sử dụng tại phường M để thực hiện dự án Khu đô thị B - N.

Do sai sót trong việc xác định người được đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V nên UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 trong đó điều chỉnh Quyết định số 2262/QĐ-UBND có nội dung: Từ hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) thành bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1,

ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

## 2.2. Về yêu cầu hủy các quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Ngày 23/12/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông V) với tổng số tiền là 1.196.211.799 đồng, bao gồm:

- Bồi thường 2.540,4 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác: 457.272.000 đồng;
- Bồi thường tài sản, vật kiến trúc: 400.757.799 đồng;
- Các khoản hỗ trợ: 282.960.000 đồng.

Đồng thời ngày 23/12/2020, UBND thành phố ban hành các Quyết định bồi thường, hỗ trợ cây nha đam trên đất của hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông V); Quyết định số 1618/QĐ-UBND bồi thường cây nha đam cho ông Trần Văn S số tiền 15.000.000 đồng; Quyết định số 1619/QĐ-UBND bồi thường cây nha đam cho bà Trần Thị Mỹ L số tiền 15.000.000 đồng; Quyết định số 1620/QĐ-UBND bồi thường cây nha đam cho bà Trần Thị Kim H1 số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2019/QĐ-UBND điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông V) tại Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố, từ 457.272.000 đồng thành 378.702.000 đồng (giảm 78.570.000 đồng), lý do: Giảm diện tích đất thu hồi.

Do sai sót trong việc xác định người được đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V nên UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 04/4/2022, trong đó đã điều chỉnh Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND thành phố và ban hành Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc điều chỉnh Quyết định số 1618/QĐ-UBND, Quyết định số 1619/QĐ-UBND, Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố, có nội dung:

- Từ hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) thành bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

*\* Đối với thửa đất nằm ngoài Giấy chứng quyền sử dụng đất của ông Trần Văn V:*

Ngày 18/11/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2268/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 609,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (thuộc thửa đất số 85a tờ bản đồ địa chính số 8) do bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V) đang sử dụng tại phường M với tổng số tiền là 32.896.800 đồng.

Sau đó, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/4/2022, trong đó điều chỉnh Quyết định số 2268/QĐ-UBND nội dung: Từ hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) thành bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

- Căn cứ bồi thường:

+ Đối với phần đất được UBND thị xã P - T cấp Giấy chứng nhận ngày 20/11/1997: Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/11/1997 cấp cho hộ ông Trần Văn V (thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06) và Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh N phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường tại dự án Khu K2 đối với đất trồng cây hàng năm bằng 1,5 lần tương ứng với giá đất cụ thể là 180.000 đồng/m<sup>2</sup>. Căn cứ quy định trên, việc UBND thành phố P - T bồi thường diện tích 2103,9 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm với số tiền là 378.702.000 đồng (2103,9m<sup>2</sup> x 180.000 đồng) là có cơ sở.

+ Đối với diện tích 609,2 m<sup>2</sup> do ông Trần Văn V bao chiếm đất giao thông để sản xuất nông nghiệp từ năm 1998: Căn cứ điểm e, mục 4, Phần II Điều 1 Quyết định 412/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị B - N (K2) thì việc Ủy ban nhân dân thành phố P - T hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường đối với diện tích 609,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm với số tiền là 32.896.800 đồng (609,2m<sup>2</sup> x 30% x 180.000 đồng) là có cơ sở.

2.3. Về yêu cầu giao cho mỗi hộ gia đình 01 lô đất theo diện chuyển đổi nghề và giao 01 lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L:

Ngày 29/12/2020 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1816/QĐ-UBND phê duyệt danh sách các hộ được xét giao đất ở diện chuyển đổi nghề, trong đó: bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã

chết) được xét giao 02 lô đất ở diện chuyển đổi nghề (thu hồi đất diện tích 2.103,9 m<sup>2</sup> đất bằng trồng cây hàng năm khác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp).

Diện tích đất thu hồi của bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) là đất bằng trồng cây hàng năm khác, không phải là đất ở. Vì vậy, không thuộc đối tượng được giao đất tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013: “Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở”.

Việc yêu cầu giao cho mỗi hộ gia đình 01 lô đất theo diện chuyển đổi nghề và giao 01 lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L là không có cơ sở giải quyết.

#### 2.4. Về kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu:

Sau khi nhận được các Quyết định số 332/QĐ-UBND, số 333/QĐ-UBND, số 334/QĐ-UBND, số 335/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh nội dung các Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường. Bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L khiếu nại yêu cầu quy chủ, bồi thường riêng cho từng hộ và đề nghị nâng giá bồi thường về đất. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 với nội dung:

- Không chấp thuận các nội dung khiếu nại của bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

- Giữ nguyên nội dung các Quyết định số 332/QĐ-UBND; số 333/QĐ-UBND; số 334/QĐ-UBND; số 335/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung các Quyết định số 1603/QĐ-UBND, số 1615/QĐ-UBND, số 1618/QĐ-UBND, số 1619/QĐ-UBND, số 1620/QĐ-UBND cùng ngày 23/12/2020; Quyết định số 2016/QĐ-UBND, số 2019/QĐ-UBND cùng ngày 06/10/2021 và Quyết định số 2262/QĐ-UBND, số 2268/QĐ-UBND cùng ngày 18/11/2021".

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố đã thụ lý đơn khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định pháp luật.

#### 3. Đối với nội dung bà Trần Thị Mỹ L khai có căn nhà:

Căn cứ Biên bản kiểm kê, đo đạc hiện trường lập ngày 17/11/2015 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận, với sự chứng kiến của UBND phường M, Ban Quản lý khu phố 3 phường M và ký xác nhận của ông Trần Văn V thì căn nhà trên thuộc Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản trên đất của ông Trần Văn V; Đồng thời, tại Bản tự kê khai của ông Trần Văn V có UBND phường M xác nhận thì nhà của ông V xây dựng năm 2002. Như vậy, việc UBND thành phố bồi thường căn nhà cho ông Trần Văn V là đúng quy định.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh N, do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp - Bà Đinh Thị Hồng H2 trình bày:*

Sau khi Chủ tịch UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 giải quyết khiếu nại lần đầu, bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu quy chủ, bồi thường riêng cho từng hộ và kiến nghị giao cho mỗi hộ 01 lô đất diện chuyển đổi nghề.

Qua kiểm tra toàn bộ hồ sơ vụ việc và căn cứ quy định pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh xét thấy: Quá trình sử dụng đất những người nêu trên không thực hiện kê khai đăng ký đất đai; làm đầy đủ thủ tục khi tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013).

Tại khoản 1 và khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai đã quy định: Đăng ký đất đai là bắt buộc đối với người sử dụng đất; việc đăng ký đất đai có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính; việc tặng cho quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính.

Tại khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 (tại thời điểm thu hồi đất) đã quy định Hợp đồng hoặc Văn bản cam kết tặng cho quyền sử dụng đất phải được công chứng hoặc chứng thực. Căn cứ quy định nêu trên thì các Giấy “Cho quyền sử dụng đất” do ông Trần Văn V lập ngày 08/4/2004 cho ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L là không đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở Giấy chứng nhận đã cấp, các tài liệu pháp lý về thừa đất và căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì việc UBND thành phố P - T quy chủ thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho những người thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, việc bà Đ, ông Đ1, ông S, bà H1, bà L yêu cầu quy chủ, bồi thường riêng cho từng hộ và kiến nghị giao cho mỗi hộ 01 lô đất diện chuyển đổi nghề là không có cơ sở giải quyết.

Từ các cơ sở nêu trên, ngày 14/11/2022, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Đ, ông Đ1, ông S, bà H1, bà L có nội dung:

Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L (là những người thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V) là đúng pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2024/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) quyết định:***

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L về việc:

- Hủy Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K).

- Hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

- Hủy Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Trần Văn S.

- Hủy Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Trần Thị Kim H1.

- Hủy Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T về việc thu hồi đất bổ sung của ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K).

- Hủy Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

- Hủy Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 1603/QĐ-UBND và Quyết định số 1615/QĐ-UBND cùng ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T.

- Hủy Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 2262/QĐ-UBND và Quyết định số 2268/QĐ-UBND cùng ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T.

- Hủy Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 1618/QĐ-UBND, số 1619/QĐ-UBND và Quyết định số 1620/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T.

- Hủy Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) lần đầu.

- Hủy Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) lần 2.

- Buộc UBND thành phố P - T bồi thường thỏa đáng cho hộ các ông (bà) Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1 và buộc giao cho mỗi hộ gia đình 01 (Một) lô đất diện chuyển đổi nghề.

- Buộc UBND thành phố P - T giao 01 (Một) lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2024, người khởi kiện là các ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Người khởi kiện là các ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L, cùng có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Tất T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Phạm Đình B thống nhất trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, với các lý do:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, khoản 1 Điều 29, Điều 82 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; căn cứ về việc ban hành quy định về diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 06/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh N và khoản 1, Điều 5 Quyết định số 85/2014/QĐ-UBND ngày 08/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh N quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất nông nghiệp đối với địa bàn thành phố P - T; người khởi kiện có Văn bản tặng cho trước ngày 01/7/2014 nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký đất đai theo quy định thì đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, khi Ủy ban nhân dân thành phố P - T thu hồi đất thì người khởi kiện phải được bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật mới đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất hợp pháp.

Việc cơ quan Nhà nước tỉnh Ninh Thuận thay doanh nghiệp đứng ra thu hồi đất của dân với giá rẻ để phân lô bán nền hưởng lợi nhuận theo thủ tục của dự án này và thực tế đã diễn ra là không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp nếu có xảy ra tranh chấp trong quá trình tặng cho quyền sử dụng đất thì Tòa án sẽ công nhận thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất giữa các bên ký kết và thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố P - T cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất của nguyên đơn làm bằng giấy tay chưa đảm bảo về hình thức nên không thừa nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện để bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của những người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của Bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Người bị kiện gồm Ủy ban nhân dân thành phố P - T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 11/11/2023, bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1 và bà Trần Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1603/QĐ-UBND, số 1615/QĐ-UBND, số 1618/QĐ-UBND, số 1619/QĐ-UBND và số 1620/QĐ-UBND cùng ngày 23/12/2020; Số 2016/QĐ-UBND và số 2019/QĐ-UBND cùng ngày 06/10/2021; Số 2262/QĐ-UBND và số 2268/QĐ-UBND cùng ngày 18/11/2021; Số 332/QĐ-UBND, số 333/QĐ-UBND, số 334/QĐ-UBND và số 335/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T; Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về giải quyết khiếu nại lần hai đối với các ông, bà Dương Thị Đ, Trần Văn S, Trần Văn Đ1, Trần Thị Kim H1 và Trần Thị Mỹ L. Xét các yêu cầu khởi kiện trên là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành;

Để thực hiện Dự án khu đô thị B - N (Khu K) (là Dự án xây dựng khu đô thị mới được Hội đồng nhân dân tỉnh N thông qua tại các Nghị quyết), Ủy ban nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận đã ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường về đất và quyết định điều chỉnh bao gồm:

Ngày 12/10/2015, UBND thành phố P - T ban hành Thông báo số 820/TB-UBND và Thông báo số 1144/TB-UBND, tại các Thông báo này xác định người sử dụng đất là ông Trần Văn V. Sau đó, do sai sót trong quá trình đo đạc, quy chủ sử dụng đất nên UBND thành phố P - T ban hành Thông báo số 83/TB-UBND ngày 22/1/2020 và Thông báo số 1069/TB-UBND ngày 11/12/2020 điều chỉnh nội dung 02 thông báo thu hồi đất nêu trên.

Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, ông Trần Văn V đã thực hiện kê khai và phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, UBND phường M thực hiện việc kiểm kê, đo đạc hiện trạng thửa đất thu hồi (thửa đất số 85, 85a tờ bản đồ số 08); tại Bản kê khai và Biên bản kiểm kê đo đạc hiện trạng, ông Trần Văn V là người ký tên, xác nhận.

Ngày 09/8/2020, ông Trần Văn V chết (không để lại di chúc), UBND thành phố P - T đã thực hiện thu hồi, bồi thường đất như sau:

- Đối với thửa đất nằm trong phần đất được UBND thị xã P-T cấp ngày 20/11/1997 (thuộc thửa đất số 85):

Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 thu hồi diện tích 2.540,4m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (đất nằm trong phần đất được UBND thị xã P - T cấp ngày 20/11/1997, thuộc thửa đất số 85) do bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M.

Quyết định số 2016/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 từ thu hồi diện tích 2.540,4m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác thành thu hồi diện tích 2.103,9m<sup>2</sup>.

Ngày 23/12/2020, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 1615/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông V) với tổng số tiền là 1.196.211.799 đồng.

Ngày 23/12/2020, UBND thành phố P - T ban hành các Quyết định số 1618/QĐ-UBND; số 1619/QĐ-UBND và số 1620/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cây nhà dăm trên đất của hộ bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1 và bà Trần Thị Mỹ L, mỗi hộ được 15.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2021, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 2019/QĐ-UBND điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông V) tại Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T từ 457.272.000 đồng thành 378.702.000 đồng (giảm 78.570.000 đồng), lý do: Giảm diện tích đất thu hồi.

*- Đối với thửa đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn V (thửa đất số 85a, tờ bản đồ địa chính số 08, diện tích 609,2m<sup>2</sup>), phần đất này theo UBND phường M xác nhận là do ông V bao diện tích đất giao thông để sản xuất nông nghiệp từ năm 1998:*

Ngày 18/11/2021, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 2262/QĐ-UBND thu hồi đất bổ sung diện tích 609,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác.

Cùng ngày 18/11/2021, UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 2268/QĐ- UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 609,2 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (thuộc thửa đất số 85a tờ bản đồ địa chính số 8) do bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V) đang sử dụng tại phường M với tổng số tiền là 32.896.800 đồng.

Do sai sót trong việc xác định người được đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V nên UBND thành phố P - T đã ban hành Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 điều chỉnh các Quyết định số thu hồi đất số 1603/QĐ-UBND và số 2016/QĐ-UBND; Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 điều chỉnh Quyết định số 2262/QĐ-UBND nêu trên, từ hộ bà Dương Thị Đ và ông Trần Văn Đ1 (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V đã chết) thành bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1 và bà Trần Thị Mỹ L (đại diện thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V đã chết).

Việc UBND thành phố P - T ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường và điều chỉnh các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là đúng với Biên bản kiểm kê, đo đạc hiện trường lập ngày 17/11/2015 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận, có sự xác nhận của ông Trần Văn V và đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; các Điều 62, 63, 69; 88, 89, 90 Luật đất đai năm 2013.

Sau khi nhận được các Quyết định về việc điều chỉnh nội dung các Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, bà Đ, ông Đ1, ông S, bà H1, bà L khiếu nại yêu cầu quy chủ, bồi thường riêng cho từng hộ và đề nghị nâng giá bồi thường về đất. Chủ tịch UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số

2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: “Không chấp thuận các nội dung khiếu nại của ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L” là đúng trình tự, thủ tục theo khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

[2.2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện

Bà Đ, ông Đ1, ông S, bà H1, bà L kháng cáo cho rằng việc UBND thành phố P - T thu hồi đất giao cho chủ đầu tư phân lô, bán nền là trái quy định của pháp luật, việc quy chủ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa được thỏa đáng, yêu cầu buộc UBND thành phố P - T giao cho mỗi hộ gia đình 01 (Một) lô đất diện chuyên đổi nghề và giao 01 lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L.

Xét thấy, việc thu hồi đất của Bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L để thực hiện Dự án khu đô thị B - N (Khu K) là Dự án xây dựng khu đô thị mới được Hội đồng nhân dân tỉnh N thông qua tại các Nghị quyết. Đây là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai năm 2013.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “*Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất*”;

Xét nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất:

Ngày 20/11/1997, UBND thị xã P - T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn V, trong đó có diện tích 2.648 m<sup>2</sup> đất màu (ĐM) thuộc thửa số 402, tờ bản đồ số 06 (V).

Ngày 08/4/2004, ông V tặng cho con là ông Trần Văn S 300 m<sup>2</sup>, bà Trần Thị Kim H1 300 m<sup>2</sup>, ông Trần Văn Đ1 300 m<sup>2</sup>, bà Trần Thị Mỹ L 300m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, giấy tờ tặng cho chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có ranh giới, bờ thửa, cột mốc rõ ràng...quá trình sử dụng đất những người nêu trên cũng không thực hiện kê khai đăng ký đất đai, không làm đầy đủ thủ tục khi tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013). Tại khoản 1

và khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 119 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, yêu cầu buộc UBND thành phố P - T bồi thường thỏa đáng cho hộ các ông (bà) Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1 và buộc giao cho mỗi hộ gia đình 01 lô đất diện chuyển đổi nghề là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Biên bản kiểm kê, đo đạc hiện trường lập ngày 17/11/2015 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận, với sự chứng kiến của UBND phường M, Ban Quản lý khu phố 3 phường M và ký xác nhận của ông Trần Văn V thì căn nhà trên đất thuộc Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản trên đất của ông Trần Văn V. Ngoài ra, diện tích đất thu hồi là đất bằng trồng cây hàng năm khác, không phải là đất ở. Vì vậy, bà Trần Thị Mỹ L không thuộc đối tượng được giao đất tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, yêu cầu buộc UBND thành phố P - T giao 01 lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L khi Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện bao gồm bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện Bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Dương Thị Đ, sinh năm 1955 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn S, ông Trần Văn Đ1, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ, ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L về việc:

- Hủy Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K).

- Hủy Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

- Hủy Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Trần Văn S.

- Hủy Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Trần Thị Kim H1.

- Hủy Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T về việc thu hồi đất bổ sung của ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) đang sử dụng tại phường M để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị B - N (Khu K).

- Hủy Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Dương Thị Đ và Trần Văn Đ1 (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết).

- Hủy Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 1603/QĐ-UBND và Quyết định số 1615/QĐ-UBND cùng ngày 23/12/2020 của UBND thành phố P - T.

- Hủy Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 2262/QĐ-UBND và Quyết định số 2268/QĐ-UBND cùng ngày 18/11/2021 của UBND thành phố P - T.

- Hủy Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 1618/QĐ-UBND, số 1619/QĐ-UBND và Quyết định số 1620/QĐ-UBND cùng ngày 04/4/2022 của UBND thành phố P - T.

- Hủy Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) lần đầu.

- Hủy Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông (bà) Dương Thị Đ, Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Mỹ L (Đại diện thừa kế theo pháp luật do ông Trần Văn V đã chết) lần 2.

- Buộc UBND thành phố P - T bồi thường thỏa đáng cho hộ các ông (bà) Trần Văn Đ1, Trần Văn S, Trần Thị Kim H1 và buộc giao cho mỗi hộ gia đình 01 (Một) lô đất diện chuyển đổi nghề.

- Buộc UBND thành phố P - T giao 01 (Một) lô đất tái định cư cho hộ bà Trần Thị Mỹ L khi Nhà nước thu hồi đất.

## 2. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Trần Văn Đ1, ông Trần Văn S, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị Mỹ L, mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, mỗi người đã nộp (do ông Trần Văn S nộp) theo các biên lai thu tiền số 0000136, số 0000133, 0000134, số 0000135, cùng ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

- Bà Dương Thị Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Ý**

**Đinh Ngọc Thu Hương**

**Trần Thị Hòa Hiệp**